

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 386/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025, có tầm nhìn đến năm 2030

UBND. HUYỆN KHÁNH VINH	
Số.....	78
Ngày.....	
Chuyên.....	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg, ngày 31/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép lập Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025, có tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND huyện Khánh Vĩnh tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 05/01/2017 về việc đề nghị phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025, có tầm nhìn đến năm 2030 và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định quy hoạch số 193/BC-SKHĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025, có tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh phải đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Duyên hải Nam Trung bộ. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực, các lợi thế về tiềm năng đất đai

và tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực và phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh, gắn với giảm nghèo bền vững, giảm dần khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển với các địa phương khác trong tỉnh.

Phát triển có trọng tâm trọng điểm, lấy nông nghiệp làm nền tảng để ổn định kinh tế - xã hội, phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu, các ngành nghề truyền thống, phát triển các ngành nghề mới để tạo nhiều việc làm cho người lao động, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng: Giao thông, điện, thủy lợi, cấp nước, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục, văn hoá thông tin... Tăng cường quan hệ hợp tác giữa huyện Khánh Vĩnh với các địa phương trong và ngoài tỉnh, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để cùng phát triển.

Tập trung phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tăng cường trồng rừng sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Đưa kinh tế lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế quan trọng theo hướng đa mục tiêu, nông - lâm kết hợp, hiệu quả và bền vững.

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh phải gắn với việc phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Phát triển xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo các nhu cầu về dân sinh, nâng cao đời sống của người dân, giảm nghèo bền vững.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh vững chắc.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Chú trọng huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và cải thiện cơ cấu kinh tế của từng ngành; chú trọng đầu tư và đẩy mạnh tuyên truyền chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo chuyển biến căn bản về tập quán sản xuất, ý thức tích lũy tái sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển dân trí và nguồn nhân lực tại chỗ, nâng cao mức sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo; giảm nhanh và bền vững hộ nghèo, bảo đảm công bằng xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu kinh tế

a. Giai đoạn 2016-2020

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9-9,5%/năm. Trong đó Nông, lâm, thủy sản tăng 4,6%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 10,1% và Thương mại - Dịch vụ tăng 11%.

- Cơ cấu chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng Nông, lâm, thủy sản, tăng tỷ trọng Công nghiệp - Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ. Đến năm 2020, Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng 28,1%; Công nghiệp - Xây dựng 27,1% và Thương mại - Dịch vụ 44,8%.

- GRDP bình quân đầu người khoảng 20,5 triệu đồng/năm.

- Thu ngân sách tăng từ 15% trở lên.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (2016-2020) khoảng 4.229,04 tỷ đồng, trong đó vốn xây dựng cơ sở hạ tầng 1.200 tỷ đồng.

- Có 01 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới.

b. Giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 11,34%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 13,35%/năm. Trong đó, tăng trưởng ngành Nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2021-2025 đạt 5,26%, giai đoạn 2026-2030 đạt 6,27%/năm. Tương tự theo các thời kỳ trên, tăng trưởng ngành Công nghiệp - Xây dựng là 13,12% và 14,07%, tăng trưởng ngành Dịch vụ là 13% và 15%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2025: giảm tỷ trọng ngành Nông, lâm, thủy sản xuống còn 24,5%, tỷ trọng ngành Thương mại - Dịch vụ 45%, tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng 30,5%. Đến năm 2030 tỷ trọng các ngành như sau: Nông lâm, thủy sản 20%, Dịch vụ 47,5% và Công nghiệp 32,5%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 31,5 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 63 triệu đồng.

- Thu ngân sách hàng năm tăng từ 20-25%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 khoảng 6.798,54 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 khoảng 14.903,91 tỷ đồng.

- Đến năm 2025 có 03 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, đến năm 2030 có 50% số xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới.

2.2. Về văn hoá - xã hội

a. Giai đoạn 2016-2020

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 8-8,5%, đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 17% (theo chuẩn đa chiều).

- Tiếp tục ổn định định canh định cư, cơ bản xóa nhà tạm trong Nhân dân.

- Đến năm 2020, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 98%, nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%.

- Giáo dục, đào tạo

+ Đến năm 2020, trẻ dưới 3 tuổi đến trường đạt trên 30%; trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến lớp mẫu giáo 85%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 99% và 100% trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; có 99% trẻ em trong độ tuổi đi học tiểu học và trung học cơ sở đến trường; có 95% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

+ Đến năm 2020, tỷ lệ lưu ban, bỏ học ở bậc tiểu học dưới 0,5% và bậc trung học cơ sở dưới 1%.

+ Duy trì và nâng chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở; phấn đấu từng bước đạt tiêu chí phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông.

+ Đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 đạt 100% và trong độ tuổi từ 15 đến 60 đạt 99%.

+ Đến năm 2020, có 40% số trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

+ Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 35,7%. Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm là 300-500 người.

- Y tế:

+ Giảm tỷ suất sinh con hàng năm khoảng 0,4-0,5‰.

+ Đến năm 2020, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 20% và tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt tỷ lệ trên 95%.

+ Đến năm 2020, 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Có 8 bác sĩ, 1,5 dược sĩ và 32 giường bệnh/vận dân.

- Văn hóa: Đến năm 2020, 5 xã có Nhà Văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn; có 65% hộ gia đình văn hóa; 50% số thôn, tổ dân phố văn hóa; 100% số cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu cơ quan văn hóa; Phủ sóng truyền hình số mặt đất để tiếp dẫn các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị và 100% số dân trong huyện được xem truyền hình số mặt đất. 100% hộ gia đình có máy thu hình, xem được chương trình truyền hình số bằng các phương tiện khác nhau.

- Thể thao: Tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đến năm 2020 tỷ lệ này đạt trên 27%. Đến năm 2020 có 27 câu lạc bộ, phòng tập thể dục thể thao.

b. Giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,05% vào năm 2025 và giảm còn 0,85% vào năm 2030. Dân số trung bình của huyện đến năm 2025 có 42.194 người, đến năm 2030 có 44.018 người.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững, không chế tỷ lệ hộ nghèo dưới 15% trong giai đoạn 2021-2030.

- Giáo dục - Đào tạo:

+ Đến năm 2025, huy động trẻ dưới 3 tuổi đi nhà trẻ đạt 50%, trẻ 5 tuổi học mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 đạt 100%; Đến năm 2030, huy động trẻ dưới 3 tuổi đi nhà trẻ đạt 70%, trẻ 5 tuổi học mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 đạt 100 %;

+ Đến năm 2025, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 100% ở bậc tiểu học, 89,4% ở bậc trung học cơ sở; Đến năm 2030, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 100% ở bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở.

+ Đến năm 2025 có 29 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt trên 63% số trường và đến năm 2030 có 38 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt trên 82% số trường.

+ Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề lên 40,5% vào năm 2025 và trên 50% vào năm 2030. Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm là 500-700 người.

- Y tế:

+ Duy trì 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã trong giai đoạn 2021-2030. Phần đầu có 9 bác sĩ/vận dân vào năm 2025, đến năm 2030 có 10 bác sĩ/vận dân. Đến năm 2025 số giường bệnh/vận dân đạt 35 giường, đến năm 2030 đạt 37 giường.

+ Thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt tỷ lệ 100%, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 20% vào năm 2025 và dưới 15% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 và 2030 đạt 100 % so với dân số trên địa bàn.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030.

- Văn hoá: Đến năm 2025 có 75% thôn, làng, tổ dân phố văn hoá, 70% số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 100% cơ quan, đơn vị, trường học văn hoá; Đến năm 2030 có 80% thôn, làng, tổ dân phố văn hoá, trên 80% số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa và 100% cơ quan, đơn vị, trường học văn hoá.

- Thể thao: Tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đến năm 2025 ước đạt 30% trên tổng dân số, đến năm 2030 tỷ lệ này đạt trên 35%. Đến năm 2025 có 38 câu lạc bộ, phòng tập thể dục thể thao, đến năm 2030 có 44 câu lạc bộ, phòng tập thể dục thể thao.

2.3. Mục tiêu về môi trường

a. Giai đoạn 2016-2020

+ Duy trì độ che phủ rừng đạt trên 73% vào năm 2020;

+ Thu gom và xử lý trên 90% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp,

trên 80% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

+ Trên 30% nghĩa trang trên địa bàn được xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Trên 70% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch.

b. Định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn 2030

+ Duy trì độ che phủ rừng trên 73%;

+ Thu gom và xử lý trên 95% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, trên 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

+ Trên 70% nghĩa trang trên địa bàn được xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới.

+ 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông, lâm, thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành, xây dựng cơ cấu hợp lý giữa sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp, trồng trọt – chăn nuôi – dịch vụ nông nghiệp, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng các mô hình canh tác tối ưu để gia tăng giá trị sản lượng và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng chuyên canh phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của địa phương, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

Phát triển nông nghiệp đi đôi với xây dựng nông thôn mới trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở nông thôn, tạo ra sự phân công lao động mới, giải quyết việc làm và thu hẹp mức sống giữa nông thôn và thành thị.

a. Trồng trọt

Trong giai đoạn 2016-2020 tập trung phát triển mở rộng các loại cây trồng chủ lực như sầu riêng, bưởi da xanh, xoài và mít, ổn định diện tích cây lúa và mía. Giai đoạn 2021-2030, sau khi các công trình thủy lợi lớn được xây dựng xong, có thể cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp (Hồ Sông Chò I) sẽ tiến hành mở rộng đất trồng lúa, tăng cường thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng khác như mía, ngô, rau đậu...; tiếp tục mở rộng diện tích các loại cây ăn quả nhằm tạo ra một vùng chuyên canh cây ăn quả tập trung của huyện, tiến tới xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị cho các loại trái cây đặc sản của huyện.

Cụ thể diện tích gieo trồng một số cây trồng chính đến năm 2020 và

2030 của huyện như sau: Cây lúa năm 2020 có 1.100 ha (sản lượng 4.030 tấn), năm 2030 có 2.200 ha (sản lượng đạt 11.850 tấn); Cây ngô năm 2020 có 1.500 ha, (sản lượng 3.450 tấn), năm 2030 giảm xuống còn 1.000 ha và chủ yếu là trồng giống ngô lai cho năng suất cao, dự kiến năng suất bình quân đạt 60 tạ/ha, sản lượng đạt 6.000 tấn; Cây sắn năm 2020 có 1.500 ha (sản lượng đạt 22.500 tấn), năm 2030 giảm xuống còn 500 ha (sản lượng đạt 12.500 tấn)...

b. Chăn nuôi

Từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất theo mô hình trang trại tập trung, đáp ứng nhu cầu thực phẩm đảm bảo chất lượng cho tiêu dùng trong và ngoài huyện. Đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, không chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi. Đến 2020 hình thành 02 cơ sở giết mổ tập trung của huyện có hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường tại xã Sông Cầu 01 cơ sở và xã Khánh Bình 01 cơ sở. Nhiệm vụ cụ thể:

- Mức tăng trưởng hàng năm bình quân từ 5-6%.

- Tăng tỷ lệ đàn bò lai từ 35% lên trên 50% vào năm 2020 và trên 80% vào năm 2030; tỷ lệ lợn nạc hoá từ 40% hiện nay lên trên 65% vào năm 2020 và trên 80% vào năm 2030.

- Bố trí quy mô đàn gia súc gia cầm:

- + Đến năm 2020: Tổng đàn gia súc có khoảng 24,6 nghìn con, trong đó riêng đàn bò 6,5 nghìn con, đàn lợn 17,5 nghìn con. Tổng đàn gia cầm có 76 ngàn con, trong đó chủ yếu là chăn nuôi gà.

- + Đến năm 2025: Tổng đàn gia súc có khoảng 29,2 nghìn con, trong đó riêng đàn bò 7,7 nghìn con, đàn lợn 20,8 nghìn con. Tổng đàn gia cầm có 86 ngàn con, trong đó chủ yếu là chăn nuôi gà.

- + Đến năm 2030: Tổng đàn gia súc có khoảng 35 nghìn con, trong đó riêng đàn bò 9 nghìn con, đàn lợn 25,3 nghìn con. Tổng đàn gia cầm có 102 ngàn con, trong đó chủ yếu là chăn nuôi gà.

c. Dịch vụ nông nghiệp

Cần có chính sách khuyến khích các công ty, doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực cung ứng dịch vụ nông nghiệp, như một số doanh nghiệp cung ứng phân bón và giống cây trồng. Bên cạnh đó cần thành lập các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn các xã, để giải quyết nhu cầu về vật tư nông nghiệp cho người dân. Khuyến khích các cán bộ khuyến nông cơ sở tham gia cung ứng dịch vụ nông nghiệp, mỗi khuyến nông viên cũng phải là một “đại lý di động” trong việc cung ứng dịch vụ nông nghiệp đảm bảo chất lượng.

Phân đầu tăng trưởng GTSX lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp bình quân đạt 17-20%/năm, đến năm 2020 lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp chiếm 5% trong cơ cấu lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; đến năm 2030 chiếm khoảng 15%.

1.2. Thủy sản

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025: Khai thác diện tích mặt nước, ao hồ (hồ chứa nước, các ao, hồ phân tán trong gia đình...) để nuôi cá, các loại thủy sản với nhiều hình thức nuôi, đối tượng thả nuôi thích hợp với từng điều kiện nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, đáp ứng nhu cầu thực phẩm: cá mè trắng, mè bông, trôi trắng, trôi đen, chép, rô phi, trắm cỏ...

Sau năm 2025: khi các hồ thủy lớn được xây dựng xong có thể tận dụng bề mặt hồ để nuôi cá lồng, cá bè. Dự kiến đến năm 2020 sản lượng thủy sản đạt 100 tấn/năm, đến năm 2030 sản lượng đạt khoảng 200 tấn/năm.

1.3. Lâm nghiệp

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, kiên quyết ngăn chặn tình trạng phá rừng. Đẩy mạnh giao khoán bảo vệ rừng cho nhân dân. Thực hiện phương án sản xuất nương rẫy ổn định và đầu tư phát triển rừng trên diện tích đã giao cho cộng đồng để nhân dân được hưởng lợi từ rừng. Chú trọng công tác khuyến lâm, điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển rừng, phân đầu duy trì độ che phủ của rừng trên 73%.

Xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp như: keo, bời lời, bời lời + sắn, bời lời + cây dược liệu...

Dự kiến quy hoạch đất 03 loại rừng huyện Khánh Vĩnh đến năm 2020 như sau: Diện tích đất lâm nghiệp có 98.636,45 ha, trong đó: Đất rừng đặc dụng có diện tích 6.515,89 ha, trong đó đất có rừng có diện tích 5.015,82 ha (khu bảo tồn Hòn Bà); Đất rừng phòng hộ có 49.309,34 ha, trong đó đất có rừng có diện tích 43.060,93 ha; Đất rừng sản xuất có 42.811,22 ha, trong đó đất có rừng có diện tích 40.426,78 ha.

2. Công nghiệp - xây dựng

Tiếp tục đầu tư, thúc đẩy phát triển các nhóm ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu mà địa phương có thể mạnh, hướng đến giải quyết việc làm và giải quyết đầu ra nông, lâm sản cho nhân dân. Gắn phát triển công nghiệp - TTCN với phát triển nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái. Nâng cấp hệ thống hạ tầng nông thôn, khuyến khích phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, cơ khí sửa chữa máy móc trong nông nghiệp, chế biến nông - lâm sản, tạo điều kiện mở rộng các vùng nguyên liệu tập trung và khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, tăng sức cạnh tranh từ sản phẩm nông - lâm nghiệp.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân:

- Lĩnh vực công nghiệp: tăng trưởng 9,5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, 12,5%/năm trong giai đoạn 2021-2025 và đạt 15% giai đoạn 2026-2030.
- Lĩnh vực xây dựng: tăng trưởng 10,28%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, 13,5%/năm trong giai đoạn 2021- 2030.

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Sông Cầu với quy mô diện tích 40,17ha. Trong đó ưu tiên phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương như: thủ công mỹ nghệ, may mặc, cơ khí, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, lương thực thực phẩm (trừ chế biến thủy hải sản tươi sống), không xây dựng phát triển các cơ sở sản xuất CN-TTCN tiềm ẩn tác nhân gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến đầu nguồn nước cho khu vực hạ lưu.

Xây dựng 02 cụm công nghiệp tại xã Khánh Bình và xã Khánh Thượng, mỗi điểm có diện tích khoảng 10ha. Trong đó chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến lâm sản, nông sản, sản xuất sản phẩm kim loại (nông cụ, cửa sắt, đồ nhôm) và sửa chữa ô tô, máy kéo, máy nông nghiệp...

3. Thương mại - dịch vụ - du lịch

3.1. Thương mại

Hỗ trợ, tạo điều kiện đầu tư, mở rộng mạng lưới thương mại đến các điểm tập trung dân cư, phát triển mạnh dịch vụ nông nghiệp vùng nông thôn gắn với tổ chức tiêu thụ nông lâm sản và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tập trung phát triển mở rộng quy mô kinh doanh Chợ huyện và các chợ nông thôn hiện có, tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng mới chợ nông thôn tại xã...

3.2. Dịch vụ

Tiếp tục thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh doanh vận tải và dịch vụ thông tin viễn thông liên lạc, truyền thanh truyền hình nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt đời sống, phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh quốc phòng. Mở rộng quy mô hoạt động tín dụng, ngân hàng đến vùng sâu, vùng xa, huy động tối đa các nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và hộ dân, thể hiện tốt vai trò “bà đỡ” cho nông dân.

- Lĩnh vực ngân hàng: Mở rộng mạng lưới kinh doanh của các ngân hàng nông nghiệp, thương mại, ngân hàng chính sách và hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân. Đổi mới hiện đại hóa công nghệ ngân hàng. Tranh thủ nguồn vốn ủy thác, vốn điều hòa từ tỉnh, trung ương để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư cho huyện. Phấn đấu thời kỳ 2016-2020 tăng trưởng huy động 10-15%/năm, cho vay 15-20%/năm.

- Lĩnh vực tài chính: Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để dự báo thu chi ngân sách của huyện trong các giai đoạn tới sẽ tăng một cách bền vững. Dự kiến mức thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 15-25%/năm. Chi ngân sách hàng năm tăng bình quân khoảng 20%/năm.

- Lĩnh vực vận tải: Dự báo khối lượng hành khách vận chuyển tăng 25%/năm thời kỳ 2016-2020 và tăng 30%/năm thời kỳ 2021-2030; luân chuyển tăng tương ứng 27,5% và 37,5%/năm thời kỳ 2016-2020 và 2021-2030. Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 27,5%/năm thời kỳ 2016-2020 và tăng 32,5%/năm thời kỳ 2021-2030; luân chuyển tăng tương ứng 31,5% và

33,5%/năm thời kỳ 2016-2020 và 2021-2030

3.3. Du lịch

Xác định du lịch sinh thái, du lịch văn hoá và du lịch đồng quê gắn với sản xuất nông nghiệp sạch, tham quan vườn cây ăn trái là các sản phẩm du lịch chủ yếu của huyện trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

** Quy hoạch các điểm du lịch, tour du lịch:*

- Các điểm du lịch sinh thái gồm: khu du lịch công viên sinh thái thác Yang Bay (*Khánh Phú*), suối khoáng nóng Khánh Thành, thác Ziông (*xã Khánh Trung*), suối khoáng nóng Khánh Hiệp (*xã Khánh Hiệp*), Suối Mầu, Đá Dài (*xã Khánh Thượng*), khu du lịch tiếng Đá, Suối Lách, thác Yang Ly (*xã Giang Ly*), điểm du lịch sinh thái Hòn Giao, điểm dừng chân Bến Lội ven đường đèo Khánh Lê - Lâm Đồng (*xã Sơn Thái*)...

- Du lịch văn hoá: Huyện Khánh Vĩnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như đồng bào T'ring, Raglai, Êđê... đã tạo nên một nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc của địa phương như: nghề rèn, đan gùi,... Với lợi thế là rừng nguyên sinh có nhiều sông, suối tự nhiên, khí hậu mát mẻ, giao thông thuận tiện cho việc đi lại để tổ chức các cuộc picnic, cắm trại, tham quan và nghỉ dưỡng... là điều kiện lý tưởng kết hợp các tour du lịch sinh thái với du lịch văn hóa để khám phá phong tục, tập quán và con người nơi đây.

- Du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp: Trên địa bàn Khánh Vĩnh hiện nay có nhiều vườn cây ăn trái với nhiều loại trái cây đặc sản: xoài Úc, bưởi Da xanh, Sầu riêng, Mít nghệ ... tại địa bàn các xã Sông Cầu, Khánh Nam, Khánh Trung, Khánh Phú, thị trấn Khánh Vĩnh... Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các tour du lịch kết hợp với du lịch văn hoá, du lịch sinh thái trên địa bàn huyện.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

4.1. Giao thông

a. Mạng lưới đường bộ chính trên địa bàn huyện

Dự kiến từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, trên địa bàn huyện sẽ nâng cấp, xây dựng mới các tuyến giao thông quan trọng sau: Quốc lộ 27C (*Tuyến Cầu Lùng - Khánh Lê, Khánh Lê - Lâm Đồng*); Tuyến Khánh Thành – Khánh Phú; Tuyến Yang Bay – Thác Tà Gụ; Tuyến Khánh Nam – Cầu Bà; Tuyến Khánh Trung đi tỉnh lộ 2; Nâng cấp tuyến liên xã Khánh Bình – Khánh Hiệp; Nâng cấp tuyến đường liên xã Khánh Hiệp – Khánh Trung; Nâng cấp các tuyến tỉnh lộ 8, 8B và tỉnh lộ 2.

Ngoài ra, các tuyến đường liên thôn, đường trong khu dân cư, đường sản xuất đều được bố trí nâng cấp, cải tạo để đạt chuẩn nông thôn mới.

c. Mạng lưới giao thông đô thị

** Giao thông đối ngoại*

- Tỉnh lộ 2 (đoạn qua thị trấn là đường Hùng Vương): lộ giới 26m (7m + 12+7m).

- Tỉnh lộ 8b (đoạn qua thị trấn là đường 2/8): là trục giao thông chính đô thị, trục cảnh quan chính, lộ giới 20m (5m + 10+5m).

- Quốc lộ 27C (Đường Cầu Lùng - Khánh Lê): đoạn qua huyện Khánh Vĩnh có lộ giới 46m, đoạn qua thị trấn Khánh Vĩnh mở thêm đường gom, có lộ giới 65m.

*** Giao thông đô thị**

- Đường trục chính và khu vực đô thị:

+ Đường tỉnh lộ 2 đi qua thị trấn và đường 2/8 vừa là giao thông đối ngoại và là trục giao thông dọc và ngang chính đô thị, đường 2/8: giữ nguyên lộ giới hiện hữu 20m (5m+10m+5m).

+ Đường Quang Trung: là đường khu vực nối kết các khu chức năng đô thị, lộ giới 26m, bao gồm: Lòng đường 12m, lề đường hai bên 7m x2 = 14m.

+ Đường Hoàng Quốc Việt, đường Lê Hồng Phong: lộ giới 20m, gồm: Lòng đường 10m và lề đường 2 bên 5m x 2 = 10m.

- Đường nội bộ : Là đường giao thông nội bộ trong từng khu chức năng, lộ giới 16m gồm: Lòng đường 8m và lề đường hai bên 4m x2 = 8m.

- Các tuyến đường khác: được quy hoạch theo quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng của thị trấn Khánh Vĩnh.

4.2. Hệ thống bến bãi

Dự kiến đến năm 2020 xây dựng mới một bến xe tại trung tâm huyện (trên trục đường Cầu Lùng - Khánh Lê, đoạn qua thị trấn Khánh Vĩnh) với diện tích 1,83 ha. Đối với các khu du lịch lớn (Yang Bay, Giang Ly, Khánh Hiệp), quy hoạch mỗi khu một bến xe du lịch với quy mô khoảng 7.000 đến 10.000 m².

Đến năm 2030 xây dựng thêm các bến xe ở các xã: Liên Sang, Khánh Phú, Sông Cầu và Khánh Bình.

4.3. Thủy lợi

Dự kiến xây dựng các công trình sau: hồ chứa nước Công Dinh với Flv = 4,5 km² có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 45 ha đất nông nghiệp. W = 0,3.10⁶ m³, Hmax = 13 m; Đập Ya Say có Flv = 11 km² để tưới 15 ha; Trạm bơm sông Giang, tưới: 300 ha thuộc xã Khánh Nam; Hồ Sông Chò 1 và Sông Chò 2 (giai đoạn 2021-2030); hồ Suối Ốc có Flv = 5,3 km² để giải quyết nước tưới cho 33 ha lúa, màu thuộc xã Khánh Đông; Trạm bơm Ba Cánh thuộc xã Khánh Hiệp để tưới cho 40 ha lúa một vụ thôn Ba Cánh.

Tiếp đầu tư nâng cấp hệ thống kênh mương và các đập nhỏ (theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới) để cấp nước ổn định cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

4.4. Cấp nước sinh hoạt

Để nâng cao tỷ lệ số hộ dùng sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, dự kiến sẽ đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các công trình sau:

- Nâng cấp các công trình hiện nay hoạt động kém hiệu quả: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Khánh Trung, xã Khánh Thành, Ho Cho, Suối Lau xã Khánh Phú và Suối Cá xã Khánh Trung và các công trình khác.
- Xây dựng trạm cấp nước sinh hoạt tại 03 trung tâm cụm xã Liên Sang, Khánh Bình và Khánh Phú, công suất: $1.000\text{m}^3/\text{ngđ/trạm}$.

4.5. Điện

Tiếp tục đầu tư nâng cấp mạng lưới điện hạ thế trong các khu dân cư, khu sản xuất theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã và quy hoạch xây dựng thị trấn Khánh Vĩnh. Đảm bảo đến năm 2020 100% dân số trên địa bàn huyện được sử dụng điện sinh hoạt.

4.6. Hệ thống thông tin truyền thông

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới Thông tin, Truyền thông của huyện đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn, tin cậy và phủ rộng trên địa bàn huyện. Phát triển dịch vụ Thông tin, truyền thông, đẩy nhanh tốc độ phổ cập các dịch vụ mới, trong đó chú ý đến việc phát triển dịch vụ di động, Internet, thương mại điện tử và các dịch vụ khác. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn và phẩm chất, đủ khả năng giải quyết những vấn đề quản lý, điều hành, khai thác cơ sở hạ tầng phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nền kinh tế, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Chỉ tiêu phát triển ngành thông tin và truyền thông

- Tốc độ tăng trưởng của các nhóm dịch vụ truyền thông đạt từ 2 đến 4%/năm, các dịch vụ bưu chính mới có tốc độ từ 5 đến 10%/năm. Tốc độ tăng doanh thu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10%, giai đoạn 2021-2030 đạt trên 10%.
- Hạ tầng cơ sở viễn thông có công nghệ hiện đại, độ phủ sóng đến các xã, thôn, làng với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao.
- Đến năm 2020, mật độ điện thoại (cố định+di động) là trên 95 thuê bao/100 dân, tỷ lệ số dân sử dụng internet đạt 40%, mật độ Internet đạt 7 máy/100 dân. Đến năm 2030, mật độ điện thoại (cố định+di động) là trên 115 thuê bao/100 dân, tỷ lệ số dân sử dụng internet đạt trên 50%, mật độ Internet đạt 10 máy/100 dân.
- Phân đầu đảm bảo 50% thôn làng có internet vào năm 2020 và đạt trên 70% vào năm 2030.
- Đến năm 2020 có 100% số xã đạt tiêu chí số 8 về Bưu điện.
- Duy trì mật độ phủ sóng của đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn toàn

huyện là 100%, nhằm đưa thông tin đến toàn thể người dân, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

- Đối với lĩnh vực CNTT đến năm 2020: Ứng dụng CNTT trong mọi lĩnh vực của xã hội trong lĩnh vực Y tế, Giáo dục, trong cải cách hành chính: xây dựng dịch vụ công mức độ 3,4 theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh; 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan quản lý nhà nước được trao đổi hoàn toàn trên mạng; ứng dụng hệ thống một cửa điện tử hiện đại, triển khai hệ thống hội nghị truyền hình đến cấp xã...

- Phát triển viễn thông phải đảm bảo tuyệt đối về an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo thông tin liên lạc trong mọi tình huống xảy ra.

- Xây dựng hạ tầng thông tin phục vụ tốt công tác phòng chống lũ lụt, tìm kiếm cứu nạn, an ninh quốc phòng.

- Nâng cao chất lượng phát thanh truyền hình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, sát với thực tế và định hướng dư luận.

- Nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hoá của đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn bằng việc đẩy mạnh công tác xây dựng các điểm nghe, xem chương trình phát thanh truyền hình ở các vùng đồng bào dân tộc.

5. Phát triển nguồn nhân lực và các ngành văn hóa – xã hội

5.1 Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực

a. Phát triển dân số, lao động và giải quyết việc làm

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng dân số bình quân 1,35%/năm, giai đoạn 2021-2025 đạt 1,05%/năm và giai đoạn 2026-2030 đạt 0,85%/năm. Quy mô dân số vào năm 2020: 40,11 nghìn người, năm 2025: 42,27 nghìn người và năm 2030: 44,09 nghìn người.

Đến năm 2020, dân số đô thị có khoảng 4.685 người, chiếm 11,5% dân số toàn huyện và đến năm 2030 dân số đô thị có khoảng 12.486 người, chiếm 28,32% dân số toàn huyện. Cơ cấu dân số theo độ tuổi sẽ có sự thay đổi đáng kể theo hướng giảm tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và tăng tỷ trọng nhóm dân số trong độ tuổi lao động, đến năm 2020 dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 52% tổng dân số.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân mỗi năm từ 0,02 – 0,025%.

Đến năm 2020 nguồn lao động của huyện có 21.101 người, năm 2025 có 22.233 người và năm 2030 có 23.194 người. Lao động cần bố trí việc làm vào năm 2020 khoảng 20.677 người, năm 2025 khoảng 21.785 người và năm 2030 khoảng 23.194 người.

Cơ cấu lao động đến năm 2020: Nông nghiệp chiếm 61,6%, phi nông nghiệp chiếm 38,4%, đến năm 2030: Nông nghiệp chiếm 35,6%, phi nông nghiệp chiếm 64,4%.

b. Giáo dục - đào tạo

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo theo hướng toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Thực hiện có hiệu quả các phong trào “Hai không”, xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực”, qua đó cải thiện chất lượng giáo dục toàn diện. Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học, thực hiện chủ trương “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Nâng cao chất lượng dạy và học, nhất là ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả-hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

Phấn đấu đến năm 2020 lao động qua đào tạo chiếm 35,7%, đến năm 2025 chiếm 40,5% và năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm trên 50%. Nhu cầu đào tạo lao động giai đoạn 2016-2020 là 1,4 nghìn người, bình quân năm đào tạo 300 người. Giai đoạn 2021-2030 nhu cầu đào tạo 4,0 nghìn người, bình quân một năm đào tạo 400 người.

Lĩnh vực đào tạo: Lao động công nghiệp - xây dựng, dịch vụ: 40%, ngành nông - lâm - thủy sản khoảng 60%.

* *Đào tạo cán bộ*: Đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt trình độ từ Trung học phổ thông trở lên, 100% công chức cấp xã đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên; 90% cán bộ cấp xã đạt trình độ chuyên môn từ sơ cấp trở lên; 85% CBCC cấp xã sử dụng thành thạo tin học văn phòng; 70% CBCC cấp xã có chứng chỉ ngoại ngữ, tỷ lệ người DTTS chiếm khoảng 30% trên tổng số CBCC cấp xã, 75% CBCC cấp xã được đào tạo lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên; 20% CBCC cấp xã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước. Đến năm 2025 có trên 95% cán bộ các xã đạt chuẩn và đạt 100% vào năm 2030.

5.2. Quy hoạch phát triển ngành Y tế, mạng lưới an sinh xã hội

Xây dựng hệ thống y tế huyện Khánh Vĩnh từng bước hiện đại, hoàn chỉnh hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng giống nòi và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Tập trung phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở giới thiệu việc làm, các cơ sở dạy nghề, phát triển sự tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong nhân dân. Từng bước nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...

* *Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế*

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản của toàn dân, đồng thời thực hiện được một số kỹ thuật đơn giản trong khám, điều trị một số bệnh chuyên khoa về mắt, răng, tai -

mũi - họng, sức khỏe sinh sản và sức khỏe trẻ em.

- Củng cố tổ chức, mạng lưới và hoạt động chuyên môn của y tế xã. Phấn đấu đến năm 2020, 100% số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm trên 100% số trạm y tế xã có bác sĩ; duy trì 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 100% trạm y tế xã có dược tá hoặc cán bộ y tế kiêm nhiệm dược tá và 100% trạm y tế xã có cán bộ làm công tác y dược học cổ truyền. Bảo đảm tối thiểu có 05 cán bộ y tế theo chức danh do Bộ Y tế quy định cho một trạm y tế xã.

- Bảo đảm mỗi thôn, làng có từ 01 đến 02 nhân viên y tế có trình độ từ sơ cấp y trở lên hoạt động.

- Bảo đảm mỗi trường phổ thông có từ 01-02 cán bộ y tế phục vụ, trong đó ít nhất có 01 cán bộ đạt trình độ từ trung cấp y trở lên.

- Tiếp tục nâng cấp Bệnh viện huyện cả về quy mô và trang thiết bị, xây dựng phòng khám khu vực và nâng cấp các trạm y tế xã đạt chuẩn.

* *Củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng*: Xây dựng và phát triển các Ban Y tế tuyến dự phòng huyện đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ: giám sát dịch tễ; vệ sinh phòng, chống dịch; kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS; truyền thông giáo dục sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản và xây dựng làng văn hoá sức khỏe.

* *Nâng cấp, xây dựng các công trình an sinh xã hội*

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội huyện Khánh Vĩnh. Nâng quy mô nuôi dưỡng vào năm 2020 lên 100 đối tượng (hiện nay là 36 đối tượng) và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội trên địa bàn huyện.

- Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú huyện Khánh Vĩnh, quy mô đào tạo 600 học viên.

5.3. Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa – thông tin – thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao hướng về cơ sở; mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, truyền thông. Thực hiện có hiệu quả các thiết chế văn hóa đồng bộ từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là ở các thôn làng dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, từng bước cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục nâng cao công tác bảo tồn và xây dựng các nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các làng, xã để phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số.

* *Quy hoạch các công trình văn hoá -thể thao*

- Xây dựng mới: trung tâm văn hóa của 13 xã, các điểm sinh hoạt văn hoá cho tất cả các thôn bản theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; rạp chiếu

- Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiếp tục ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất giống cây trồng vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch một số loại nông sản sản xuất tại địa phương: sắn, ngô, trái cây..., ứng dụng công nghệ mới trong công tác thú y và bảo vệ thực vật; đẩy mạnh thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM và ứng dụng các mô hình sản xuất hiệu quả VAC, VACR, tăng cường công tác tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho bà con nông dân. Thực hiện cơ khí hoá các khâu làm đất gieo trồng, thu hoạch, vận chuyển trong sản xuất nông nghiệp.

-- Trong các lĩnh vực dịch vụ xã hội, chú trọng áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ (*công nghệ thông tin, Internet...*) phục vụ sinh hoạt đời sống gia đình, cộng đồng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống; chú trọng sử dụng công nghệ thông tin GIS vào quản lý tài nguyên đất và cơ sở dữ liệu ngành nông - lâm nghiệp, bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên.

2. Luận chứng bảo vệ môi trường

Bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho người dân nông thôn, trên cơ sở tăng cường, cải thiện các dịch vụ cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; nâng cao nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường, vệ sinh cộng đồng và vệ sinh cá nhân. Giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn theo hướng phát triển bền vững, văn minh, xanh, sạch đẹp.

VI. PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO AN NINH QUỐC PHÒNG

Coi trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng chính trị trong lực lượng vũ trang. Đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân để xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc. Thực hiện quy hoạch quỹ đất để xây dựng các công trình phòng thủ, công trình huấn luyện chiến đấu (trường bắn, thao trường), nhà làm việc, nhà ở cho Ban CHQS và Dân quân trực của các xã, thị trấn.

Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chú trọng công tác phụ trách địa bàn, nắm bắt kịp thời tình hình cơ sở, chủ động đấu tranh phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, vô hiệu hóa hoạt động của các lực lượng thù địch, chủ động đối phó với những diễn biến phức tạp có thể xảy ra, kiên quyết không để xảy ra gây rối, biểu tình trái pháp luật, bạo loạn...

Phát huy vai trò tham mưu, sự phối hợp giữa cơ quan quân sự và công an với các ban, ngành, đoàn thể địa phương để huy động sức mạnh của toàn dân giữ vững ổn định an ninh chính trị. Triển khai các giải pháp mạnh đảm bảo an ninh nông thôn, an ninh học đường, kiểm chế các loại tội phạm, giảm thiểu, đẩy lùi tai nạn giao thông, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Huy động vốn từ ngân sách nhà nước: Tranh thủ nguồn vốn đầu tư của trung ương, tỉnh, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của các nhà tài trợ và các nguồn vốn khác, phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu để tăng thu ngân sách, cho đầu tư phát triển.

Huy động vốn từ dân và doanh nghiệp: Có chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp từ các thành phần kinh tế mở rộng quy mô sản xuất, tạo điều kiện hoạt động có hiệu quả... Xây dựng quỹ tín dụng nhân dân để tương trợ vốn, hợp tác với nhau về vốn... Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư phát triển giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, để tăng nguồn lực đầu tư xây dựng trường lớp, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, thể thao, giải trí...

Huy động vốn từ đất đai: Đầu tư một số tuyến đường giao thông quan trọng, gắn với công trình phúc lợi công cộng để tạo thêm quỹ đất mới, đặc biệt ở khu vực thị trấn Khánh Vĩnh và các trung tâm xã. Thực hiện phương thức đấu thầu các khu đất có vị trí thuận lợi để huy động vốn.

Huy động vốn theo hình thức đối tác công tư P.P.P trong các lĩnh vực: giao thông, thủy điện, hệ thống cung cấp nước sạch, y tế, môi trường... nhằm thu hút được nguồn vốn đầu tư của khu vực tư nhân trong và ngoài nước cho phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ công.

2. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng

Đổi mới chính sách huy động vốn đầu tư theo hướng khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, người dân phát triển cơ sở hạ tầng, giảm dần tỷ lệ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện cơ chế sử dụng vốn đầu tư bảo đảm hiệu quả kinh tế, giảm thiểu thất thoát, lãng phí vốn.

Công tác quy hoạch, lập dự án đầu tư, thiết kế... cần được giao cho các đơn vị có kinh nghiệm và uy tín trên cơ sở đấu thầu công khai, để chọn được những tổ chức đủ năng lực, có ý tưởng tốt thích ứng với sự biến động trong nước và quốc tế; chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng được đổi mới, đảm bảo thực hiện hiệu quả, đúng quy định; việc triển khai xây dựng công trình cần được cải tiến để bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội.

Khuyến khích việc thành lập các tổ chức tư vấn, giám định các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm chất lượng, chi phí hợp lý và triển khai đúng tiến độ; phương châm xã hội hóa cần được thể chế hóa bằng các quy định trong từng lĩnh vực như đấu giá quyền sử dụng đất, giao khoán xây dựng từng khu dân cư mới cho các nhà thầu.

Giải quyết đúng đắn việc phân phối lợi ích của các mối quan hệ cộng

sự giữa những đối tác tham gia, kết hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, khu vực tư nhân, các tổ chức và nhà đầu tư quốc tế, sự tham gia tình nguyện của cá nhân và cộng đồng được thể chế hóa bằng các quy định của Nhà nước để bảo đảm cả ba đối tượng: Nhà nước, các nhà thầu, người dân và cộng đồng có quyền hạn, nghĩa vụ và được hưởng lợi.

3. Giải pháp về cơ chế chính sách

Nâng cao năng lực bộ máy nhà nước, kiện toàn và nâng cao năng lực của tổ chức bộ máy hành chính, các cơ quan, ban ngành trong huyện có đủ khả năng và trình độ để thực hiện tốt nhiệm vụ trong quy hoạch phát triển KTXH của huyện.

Thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của nhân dân, doanh nghiệp, nhanh gọn, chính xác, đúng luật. Thực hiện phương thức 1 dấu, một cửa. Phát triển dịch vụ hành chính công theo hình thức trọn gói...

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, đối xử bình đẳng, công bằng đối với tất cả các thành phần kinh tế tham gia bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dưới mọi hình thức.

Tiến hành sắp xếp lại sản xuất trên địa bàn, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm giải quyết việc làm và tăng số lượng lao động tham gia trong các ngành kinh tế. Khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ người lao động. Phát triển các cơ sở dạy nghề và có chính sách thu hút lực lượng lao động về địa phương.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục – đào tạo. Tạo điều kiện cho mọi người dân đều có cơ hội học tập để nâng cao trình độ, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp và trang thiết bị, tạo môi trường giảng dạy và học tập thuận lợi để đáp ứng nhu cầu học tập trên địa bàn huyện.

Củng cố đội ngũ giáo viên, đảm bảo chất lượng giảng dạy, phát triển các hình thức đào tạo nghề gắn với giới thiệu việc làm cho người lao động. Khuyến khích các cơ sở sản xuất tạo điều kiện cho người lao động nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn và tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công nhân và cán bộ quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế.

5. Giải pháp khoa học công nghệ

Tăng cường việc ứng dụng KH-CN vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập các tri thức về KHCN trong nhân dân thông qua việc thực hiện tốt các chương trình khuyến công, khuyến thương, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến dịch vụ.

Phát triển mạnh hệ thống dịch vụ nông nghiệp, kết hợp với sự trợ giúp của cơ quan khuyến nông tỉnh, để tổ chức trình diễn và chuyển giao các loại giống cây trồng vật nuôi và công nghệ mới cho hộ nông dân.

Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả: chăn nuôi trang trại, sản xuất nông nghiệp sạch... để người dân trong huyện có điều kiện tiếp xúc với các kỹ thuật sản xuất mới, hiện đại và hiệu quả hơn.

Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ thích hợp để phát triển TTCN phục vụ sản nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là tại các cơ quan khuyến nông, khuyến công, khuyến thương... có chính sách thu hút lực lượng cán bộ, chuyên gia khoa học - kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao, trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

6. Giải pháp thị trường và tổ chức sản xuất

Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp có sự liên kết sản xuất giữa các hộ đồng bào người Kinh và hộ đồng bào người DTTS để từng bước thay đổi tập quán sản xuất còn lạc hậu của một bộ phận người đồng bào DTTS trên địa bàn huyện.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, hàng năm cần tổ chức các Hội chợ thương mại để các doanh nghiệp và nhân dân có điều kiện tham gia giới thiệu các sản phẩm của địa phương.

Đầu tư xây dựng siêu thị trung tâm huyện, phát triển hệ thống chợ các xã, nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển thị trường trên địa bàn huyện.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông - lâm nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ về chế biến, xuất khẩu nông, lâm sản, thực phẩm.

Tạo điều kiện phát triển các hình thức hợp tác (*hợp tác giữa các doanh nghiệp, các hộ sản xuất, giữa nhà nông và các cơ sở sản xuất, chế biến*) nhằm mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất của các tổ chức, cá nhân.

Liên kết với các công ty du lịch trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các công ty lữ hành của Nha Trang, Đà Lạt, TP. Hồ Chí Minh... để phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Giao UBND huyện Khánh Vĩnh phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức công bố công khai Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025, có tầm nhìn đến năm 2030 cho các cấp, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện, trong tỉnh được biết.

- Trên cơ sở các định hướng và giải pháp phát triển tiến hành xây dựng, rà soát quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo hướng có sự liên kết, phối hợp liên ngành; xác định các trọng điểm và bước phát triển trong từng giai đoạn.

- Triển khai thực hiện quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ phải thực hiện trong từng giai đoạn.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác thực hiện đầu tư phát triển theo đúng quy hoạch. Cuối mỗi kỳ kế hoạch 5 năm tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng giai đoạn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 24/9/2008

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND huyện Khánh Vĩnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;

VT TT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH

Số: 211/SY-UBND

Nơi nhận:

- HĐND huyện;
- Các đ/c lãnh đạo UBND
- các cơ quan, đơn vị, đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công an, Ban CH quân sự;
- Lưu VT h

VBĐT

SAO Y BẢN CHÍNH

Khánh Vĩnh, ngày 21 tháng 02 năm 2017

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Đình Phùng

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN

HUYỆN KHÁNH VINH ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Xây dựng các công trình thủy lợi

- Hệ thống đầu mối và kênh mương hồ Sông Chò.
- Hệ thống đầu mối và kênh mương hồ Suối Lùng – Khánh Phú.
- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương.
- Xây dựng trạm bơm Ba Cánh.
- Xây dựng hồ chứa nước Công Dinh.

2. Công trình giao thông

- Xây dựng mới tuyến Yang Bay – Thác Tà Gù
- Nâng cấp tuyến Khánh Nam – Cầu Bà.
- Nâng cấp tuyến Khánh Trung đi tỉnh lộ 2.
- Nâng cấp tuyến liên xã Khánh Bình – Khánh Hiệp.
- Nâng cấp tuyến đường liên xã Khánh Hiệp – Khánh Trung.
- Nâng cấp các tỉnh lộ 8, 8B và tỉnh lộ 2.

3. Các dự án phát triển công nghiệp, TTCN

- Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Sông Cầu.
- Xây dựng cụm công nghiệp tại thôn Tà Gộc - xã Khánh Thượng.
- Xây dựng cụm công nghiệp tại thôn Cà Hon - xã Khánh Bình.
- Xây dựng trạm biến áp 110kV huyện Khánh Vĩnh.
- Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy gạch không nung, công suất 50 triệu viên/năm tại CCN Sông Cầu.
- Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả, công suất 5 tấn /giờ tại CCN Sông Cầu.
- Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước giải khát tại CCN Sông Cầu, công suất 10.000 chai/h, vốn đầu tư khoảng 25 tỷ đồng.
- Kêu gọi đầu tư xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Sông Cầu và xã Khánh Bình, công suất 50-100 con/ngày.

4. Các dự án phát triển du lịch – dịch vụ - thương mại

- Xây dựng khu du lịch sinh thái Giang Ly: 40 ha.
- Xây dựng khu du lịch sinh thái Thác Ziông - Khánh Trung: 50 ha.

- Xây dựng các điểm du lịch sinh thái ven đèo đi Đà Lạt: 50 ha.
- Xây dựng Trung tâm thương mại huyện Khánh Vĩnh (thị trấn Khánh Vĩnh): 1,5 ha.
- Nâng cấp chợ huyện Khánh Vĩnh, xây mới các chợ Khánh Trung, Liên Sang, Khánh Bình và Sông Cầu.

5. Các dự án cải tạo, phát triển hạ tầng xã hội

- Xây dựng trường trung học phổ thông Cánh Bắc.
- Xây dựng trường trung học phổ thông Cánh Tây.
- Xây dựng trường tiểu học Khánh Phú 2 và Khánh Bình 2.
- Xây dựng trường THCS Cầu Bà.
- Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực.
- Dự án nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các cơ sở y tế huyện Khánh Vĩnh.
- Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao của 13 xã và nhà sinh hoạt văn hóa của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện.
- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội huyện Khánh Vĩnh.
- Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú huyện Khánh Vĩnh.

6. Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển các khu đô thị, khu dân cư nông thôn: thị trấn Khánh Vĩnh, trung tâm các xã Khánh Bình, Liên Sang và Khánh Phú theo quy hoạch đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

7. Chương trình phát triển nông – lâm nghiệp

- Dự án phát triển cây ăn quả chủ lực: xoài, sầu riêng, bưởi da xanh, mít nghệ.
- Dự án phát triển rừng nguyên liệu giấy.
- Dự án phát triển đàn bò thịt lai tập trung.
- Dự án phát triển đàn heo lai.